

ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN DU LỊCH THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ (2006 - 2017)

ThS NGUYỄN THẾ THI

Học viện Chính trị - Bộ quốc phòng

Tóm tắt: Kinh tế du lịch là một ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế đất nước. Trong giai đoạn 2006-2017, Đảng tiếp tục khẳng định chủ trương phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị, góp phần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Quá trình đó đã đạt được một số kết quả bước đầu, qua đó đúc kết một số kinh nghiệm có giá trị cung cấp thêm những luận cứ lý luận và thực tiễn để tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh đường lối phát triển du lịch trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Quan điểm, chủ trương của Đảng; du lịch; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

1. Chủ trương của Đảng về du lịch trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

Trong giai đoạn 2006-2017, tình hình kinh tế, chính trị khu vực và thế giới, hòa bình, hợp tác là xu thế lớn, nhu cầu đi du lịch của con người tăng nhanh. Việt Nam trải qua những năm đổi mới và phát triển toàn diện, tình hình chính trị, xã hội ổn định, tạo nên một hình ảnh Việt Nam thân thiện, hòa bình,... tạo điều kiện thuận lợi để du lịch phát triển. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, du lịch Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức như khủng hoảng kinh tế thế giới 2008-2010, các vấn đề về ô nhiễm môi trường, bệnh dịch... Chủ trương phát triển du lịch giai đoạn 2006-2017 của Đảng được thể hiện rõ trong Chiến lược

phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010, Văn kiện các Đại hội IX (2001), Đại hội X (2006), Đại hội XI (2011), Đại hội XII (2016) của Đảng. Đặc biệt Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16-1-2017, của Bộ Chính trị về “Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”.

Đại hội IX (2001) của Đảng xác định: “Phát triển du lịch thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa, lịch sử, đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước và phát triển nhanh du lịch quốc tế, sớm đạt trình độ phát triển du lịch của khu vực”¹. Đại hội X (2006) của Đảng khẳng định: “Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng một số ngành: vận tải, thương mại,

du lịch,...”². Đại hội chỉ rõ: “Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ truyền thông, như vận tải, thương mại, du lịch, ngân hàng, bưu chính-viễn thông. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động du lịch”³.

Trong những năm 2006-2010, Đảng đã chỉ đạo chặt chẽ phát triển du lịch. Điều đó được thể hiện rõ ở việc: tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 307/TTg, ngày 24-5-1995, “Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995-2010”; Quyết định số 97/2002/QĐ-TTg, ngày 22-7-2002, “Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam 2001-2010”; chỉ đạo ban hành và triển khai thực hiện Quyết định số 121/2006/TTg-CP, ngày 29-5-2006, “Phê duyệt Chương trình Hành động quốc gia về du lịch 2006-2010”. Mục tiêu phát triển du lịch giai đoạn 2006-2010 được cụ thể: Tỷ lệ tăng trưởng khách du lịch quốc tế tăng từ 10-20%/năm; tỷ lệ tăng trưởng khách du lịch nội địa tăng từ 15-20%/năm. Thu nhập du lịch năm 2010 đạt khoảng 4-5 tỷ USD⁴.

Đại hội XI của Đảng xác định: “Ưu tiên phát triển và hiện đại hoá các dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, thương mại, du lịch...”⁵. Chính phủ cụ thể hóa chủ trương đó bằng các văn kiện: Quyết định số 2473/QĐ-TTg, ngày 30-12-2011, “Phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 201/QĐ-TTg, ngày 22-1-2013, “Phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” và Quyết định số 321/QĐ-TTg, ngày 18-2-2013, “Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về du lịch giai đoạn 2013-2020”. Mục tiêu phát triển du lịch được xác định rõ: Tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch bình quân thời kỳ 2011-2020 đạt 11,5-12%/năm. Năm 2015: Việt Nam đón 7-7,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 36-37 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng

thu từ khách du lịch đạt 10-11 tỷ USD, đóng góp 5,5-6% vào GDP cả nước; có tổng số 390.000 buồng lưu trú với 30-35% đạt chuẩn từ 3 đến 5 sao; tạo ra 2,2 triệu việc làm trong đó có 620.000 lao động trực tiếp du lịch⁶.

Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: “Có chính sách phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch với hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, sản phẩm đa dạng và tính chuyên nghiệp cao”, đồng thời: “Tạo mọi thuận lợi về thủ tục xuất nhập cảnh, đi lại và bảo đảm an toàn, an ninh. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Việt Nam...”⁷. Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16-1-2017, của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đã xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển du lịch. Đảng nêu rõ: Đến năm 2020, ngành du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực.

Nghị quyết số 103/NQ-CP, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW tiếp tục cụ thể hóa đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và xác định rõ nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương nhằm xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW. Theo đó, Chính phủ, các bộ, ban, ngành đã tập trung vào chỉ đạo đổi mới nhận thức, tư duy phát triển du lịch; cơ cấu lại ngành du lịch; hoàn thiện thể chế, chính sách, hệ thống luật pháp; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật; tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch; phát triển

nguồn nhân lực du lịch; tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển du lịch.

2. Một số kết quả

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, toàn diện của Đảng, Nhà nước, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch, các bộ, ngành, địa phương, trong giai đoạn 2006-2017, ngành du lịch đã có những bước tiến dài, đạt được những thành quả quan trọng.

Thứ nhất, số lượng khách du lịch tăng nhanh và khá ổn định.

Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16-1-2017, của Bộ Chính trị khóa XII nhận định: Mười lăm năm qua, ngành du lịch đã có bước phát triển rõ rệt và đạt được những kết quả quan trọng, rất đáng khích lệ. Tốc độ tăng trưởng khách du lịch quốc tế đạt 10,2%/năm, khách du lịch nội địa đạt 11,8%/năm. Năm 2016, khách du lịch quốc tế là 10 triệu lượt người, tăng hơn 4,3 lần so với năm 2001; khách du lịch nội địa là 62 triệu lượt người, tăng 5,3 lần so với năm 2001⁸. Năm 2017, đạt 12.922.151 lượt khách quốc tế, tăng 29,2% so với năm 2016⁹. Khách du lịch nội địa đạt 73,2 triệu lượt người, tăng 28,4% so với năm 2015 và 18,2% so với năm 2016¹⁰.

Thứ hai, xây dựng cơ sở lưu trú du lịch phát triển mạnh và đều qua các năm, chất lượng ngày càng được nâng cao.

Tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2006-2017 khoảng 14%/năm về số cơ sở và 8,4%/năm về số buồng. Năm 2006 có 7.039 cơ sở lưu trú với 160.000 buồng, tăng 20,4% số cơ sở lưu trú và 28% số buồng so với năm 2004. Năm 2010 là 12.352 cơ sở lưu trú với 237.111 buồng, tăng 7,7% số cơ sở lưu trú và 9,4 số buồng so với năm 2009. Năm 2015, số lượng cơ sở lưu trú là 18.800 với 355.000 buồng, tăng 3,1 lần số cơ sở lưu trú và 2,73 lần số buồng so với năm 2005, tăng 167% số

cơ sở lưu trú và 122% số buồng so với năm 2006, tăng 52,2% số cơ sở lưu trú và 49,7% số buồng so với năm 2010. Năm 2017, số lượng cơ sở lưu trú là 25.600 với 508.000 buồng, tăng 32,2% số cơ sở lưu trú và 43,1% số buồng so với năm 2015. Chất lượng các cơ sở lưu trú, dịch vụ đi kèm ngày một nâng cao, tỷ trọng cơ sở lưu trú được xếp hạng 3-5 sao ngày càng lớn, một số khách sạn lớn đã gây dựng được thương hiệu trên thị trường. Tính đến năm 2017 số cơ sở lưu trú xếp hạng 3-5 sao là 882 với 104.315 buồng¹¹.

Thứ ba, tổng thu từ khách du lịch, đóng góp vào GDP của du lịch tăng mạnh qua các năm.

Nhìn chung trong giai đoạn 2006-2017, tổng thu từ khách du lịch, đóng góp vào GDP của du lịch tăng mạnh và khá đều qua các năm. Năm 2006 là 51.000 tỷ đồng, tăng 70% so với năm 2005. Năm 2010, đạt 98.100 tỷ đồng, tăng 92,3% so với năm 2006. Năm 2015, đạt 337.830 tỷ đồng, tăng 42 lần so với năm 1995; 11,3 lần so với năm 2005; 6,62 lần so với năm 2006; 3,5 lần so với năm 2010, tăng 46,9% so với năm 2014. Năm 2017, đạt 510.900 tỷ đồng, tăng gần 25 lần so với năm 2001; 10 lần so với năm 2006; 5,3 lần so với năm 2010, tăng 51,2% so với năm 2015. Đóng góp vào thu nhập quốc dân chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP của cả nước. Năm 2001, du lịch mới đóng góp 10,1 ngàn tỷ đồng chiếm 3,46% GDP toàn quốc, còn năm 2005 là 13,84 ngàn tỷ đồng chiếm 3,52% GDP toàn quốc, đến năm 2006 mức đóng góp đã là 23,23 ngàn tỷ đồng, gấp 2,28 lần năm 1994, gấp 1,68 lần năm 2005 và chiếm 5,46% GDP toàn quốc. Năm 2010, du lịch đóng góp 37,40 ngàn tỷ đồng, tăng 61% so với năm 2006 và chiếm 5,80% GDP toàn quốc¹². Năm 2016, đóng góp trực tiếp ước đạt 6,8% GDP, cả gián tiếp và lan tỏa đạt 14% GDP¹³.

Du lịch đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa tương xứng

với tiềm năng. Mục tiêu đến năm 2010, du lịch Việt Nam vào nhóm các nước có ngành du lịch phát triển trong khu vực chưa đạt được, nếu so sánh với 4 nước dẫn đầu khu vực là Malaysia, Thái Lan, Singapore và Indonesia khoảng cách về thu nhập du lịch còn khá xa, năm 2015, đóng góp trực tiếp của du lịch vào GDP của Thái Lan là 36,4 tỷ USD, của Indonesia là 28,2 tỷ USD, Singapore là 13,9 tỷ USD, Malaysia là 13,0 tỷ USD, Việt Nam là 12,7 tỷ USD và Philippine là 12,5 tỷ USD¹⁴. Như vậy, đóng góp trực tiếp vào GDP của du lịch Việt Nam chỉ bằng khoảng 1/3 của Thái Lan, chưa bằng một nửa của Indonesia, cụ thể là: bằng 35% của Thái Lan, 45% của Indonesia, 91% của Singapore và 97% của Malaysia. Mục tiêu thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển du lịch trong khu vực vẫn chưa đạt được. Báo cáo chuyên đề “Du lịch Việt Nam, thực trạng và giải pháp” năm 2014 cho thấy: Khoảng cách về lượng khách quốc tế giữa Việt Nam với 4 nước dẫn đầu khu vực là Malaysia, Thái Lan, Singapore và Indonesia luôn trong hoảng từ 2-4 lần. Báo cáo kinh tế-xã hội năm 2015 của Chính phủ chỉ ra: Malaysia đón 27,4 triệu lượt khách, Thái Lan đón 24,8 triệu lượt, Singapore là 15,1 triệu lượt, Indonesia là 9,4 triệu lượt trong khi Việt Nam chỉ đạt 7,87 triệu lượt¹⁵.

3. Những kinh nghiệm chủ yếu

Từ quá trình Đảng lãnh đạo phát triển du lịch trong giai đoạn 2006-2017, có thể đúc rút một số kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trong phát triển du lịch. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước là nhân tố đóng vai trò quyết định đối với phát triển kinh tế-xã hội nói chung và phát triển du lịch nói riêng. Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, tính liên ngành, liên vùng

cao, đa dạng, phong phú, có liên quan chặt chẽ đến quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội, do đó, bản thân du lịch luôn đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước để duy trì sự ổn định và phát triển, việc thành công hay thất bại trong phát triển du lịch phụ thuộc rất lớn vào chủ trương, đường lối, khuôn khổ pháp lý và những chính sách thích hợp với điều kiện, trình độ phát triển của đất nước. Vì vậy, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với du lịch là vấn đề thiết yếu được đặt lên hàng đầu. Hơn nữa, du lịch Việt Nam đang ở trong giai đoạn đầu phát triển, kinh nghiệm chưa nhiều, phát triển trong nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày một sâu sắc, có nhiều thuận lợi đan xen khó khăn, thách thức lớn, để nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, hạn chế khuyết tật của kinh tế thị trường, thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, cần phải có sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Trong những năm 2006-2017, chủ trương, chính sách phát triển du lịch của Đảng đã được triển khai trên toàn quốc, hầu hết các tỉnh, thành phố đã lập ban chỉ đạo nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch, nhiều tỉnh ủy có nghị quyết chuyên đề, chỉ thị chỉ đạo phát triển du lịch tại địa phương, vì vậy, chủ trương phát triển du lịch của Đảng đã đi vào cuộc sống. Các bộ, ngành, địa phương tập trung xây dựng và triển khai chương trình hành động phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, coi đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng, tạo động lực để phát triển kinh tế-xã hội.

Thứ hai, xây dựng đồng bộ các nội dung của du lịch, bảo đảm cho du lịch phát triển bền vững. Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, liên quan chặt chẽ đến các ngành nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, nghệ thuật,... du lịch chỉ phát triển khi có sự

liên kết chặt chẽ với các ngành khác. Đồng thời, bản thân du lịch bao gồm nhiều nội dung như: Xúc tiến, quảng bá; phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch; thu hút đầu tư phát triển du lịch;..., trong đó, từng nội dung có liên quan chặt chẽ với nhau và với các ngành khác, chẳng hạn, để tiến hành xúc tiến, quảng bá du lịch phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan xúc tiến du lịch với các cơ quan thông tấn báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin liên lạc, do đó, để phát triển du lịch phải xây dựng đồng bộ các nội dung. Thực tiễn phát triển du lịch chỉ ra rằng: Du lịch chỉ có thể phát triển ổn định và bền vững khi có sự đầu tư, xây dựng đồng bộ các nội dung của du lịch với cách làm phù hợp.

Xây dựng đồng bộ các nội dung của du lịch, bảo đảm cho du lịch phát triển bền vững, đổi mới nhận thức, tư duy về phát triển du lịch, không những khắc phục tình trạng liên kết chưa chặt chẽ trong phát triển du lịch, mà còn góp phần đổi mới mạnh mẽ tư duy trong quá trình tổ chức thực hiện phát triển du lịch ngay từ khâu lập quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch để các quy hoạch kế hoạch phát triển du lịch thực sự gắn liền với thực tiễn, phù hợp theo quy luật kinh tế thị trường, bảo đảm nhất quán từ quan điểm, mục tiêu, chương trình hành động và có thể chế, chính sách đột phá, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng, cụ thể giữa các bộ, ngành, các cơ quan trong tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch. Phát triển đồng bộ các nội dung của du lịch, tập trung hơn cho quảng bá, xúc tiến gắn liền nâng cao chất lượng loại hình, sản phẩm du lịch thúc đẩy du lịch phát triển mạnh.

Thứ ba, phát triển các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh về tự nhiên, văn hóa, xã hội, đất nước, con người Việt Nam. Phát triển các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai

thác tiềm năng, thế mạnh về tự nhiên, văn hóa, xã hội, đất nước, con người Việt Nam là điều kiện tiên quyết để tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù, độc đáo, đại diện về tài nguyên du lịch cho quốc gia với những dịch vụ không chỉ làm thỏa mãn nhu cầu, mong đợi của du khách mà còn tạo được ấn tượng bởi tính độc đáo và sáng tạo, là một trong những yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh, hấp dẫn du khách và có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, bởi nó quyết định “sự khác biệt” của sản phẩm du lịch để thu hút khách du lịch. Quá trình Đảng lãnh đạo phát triển du lịch chứng minh rằng: Phát triển sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh về tự nhiên, văn hóa, xã hội, đất nước, con người, từ đó tạo ra sản phẩm du lịch phong phú, đa dạng, đậm bản sắc, thì du lịch càng phát triển mạnh và ngược lại, sản phẩm du lịch nghèo nàn, chất lượng kém thì du lịch khó phát triển, thậm chí tụt lùi.

Quá trình phát triển sản phẩm du lịch giai đoạn 2006-2017 cho thấy, cần đánh giá đúng các tiềm năng thế mạnh về du lịch, nhất là về tài nguyên du lịch thiên nhiên và nhân văn, các di tích văn hóa, lịch sử, đồng thời, phát huy thế mạnh và tăng cường liên kết giữa các vùng, miền, địa phương hướng tới hình thành sản phẩm du lịch đặc trưng theo các vùng du lịch, tạo ra các chuỗi sản phẩm du lịch đặc trưng mang tính liên vùng, một mặt vừa thu hút khách du lịch, mặt khác là quảng bá, xúc tiến và xây dựng thương hiệu du lịch cho các vùng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách du lịch nội địa và quốc tế.

Thứ tư, liên kết, phối hợp chặt chẽ trong xúc tiến, quảng bá du lịch phục vụ phát triển du lịch. Liên kết, phối hợp chặt chẽ trong xúc tiến, quảng bá du lịch có vai trò rất quan trọng, bởi công tác quảng bá, xúc tiến du lịch chính là công tác tuyên truyền, giới thiệu rộng rãi về đất nước, con người, danh lam thắng cảnh, di tích

lịch sử, di tích cách mạng, di sản văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người, bản sắc văn hoá dân tộc cho nhân dân trong nước và cộng đồng quốc tế, nâng cao nhận thức xã hội về du lịch, tạo môi trường du lịch văn minh, lành mạnh, an toàn, phát huy truyền thống mến khách của dân tộc. Đồng thời còn huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất-kỹ thuật du lịch. Liên kết, phối hợp chặt chẽ trong xúc tiến, quảng bá du lịch là chiếc cầu nối giữa cung-cầu trong hoạt động du lịch, thúc đẩy du lịch phát triển. Hơn nữa, xúc tiến, quảng bá du lịch là hoạt động đặc thù, nếu không liên kết, phối hợp chặt chẽ thì không thể tiến hành có hiệu quả.

Thực tiễn quá trình Đảng lãnh đạo phát triển du lịch cũng cho thấy tầm quan trọng của sự liên kết, phối hợp chặt chẽ trong quảng bá, xúc tiến du lịch theo hướng chuyên nghiệp nhằm thúc đẩy du lịch phát triển. Trong những năm 2006-2008, liên kết, phối hợp trong quảng bá, xúc tiến du lịch luôn được coi là một phần quan trọng trong chương trình phát triển du lịch của quốc gia nhằm xây dựng hình ảnh đất nước cũng như quảng bá các sản phẩm du lịch, tìm kiếm thị trường, thu hút đầu tư phát triển du lịch. Trong những năm 2009-2012, đã xây dựng và triển khai các chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch cho từng năm. Đặc biệt là từ năm 2013, Chính phủ đã ban hành và triển khai Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia giai đoạn 2013-2020, tập trung vào liên kết để xúc tiến du lịch trong nước, nước ngoài, xúc tiến thông qua marketing, sản xuất ấn phẩm, vật phẩm, đồng thời tạo cơ chế, chính sách thông thoáng để tạo bước đột phá trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

Kết quả phát triển du lịch giai đoạn 2006-2017 là cơ sở để Đảng tiếp tục điều chỉnh quan điểm, chủ trương về phát triển du lịch phù hợp

tình hình thực tiễn, tạo sự tăng trưởng hiện đại, bền vững kinh tế đất nước.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 178

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 92, 201

4. Xem Quyết định số 121/2006/TTg-CP, ngày 29-5-2006, “Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về du lịch 2006-2010”, tài liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ, tr. 1

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011 tr. 199

6. Xem Quyết định số 2473/QĐ-TTg, ngày 30-12-2011, “Phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, tài liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ, tr. 2

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 288

8, 13. Xem Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16-1-2017, của Bộ Chính trị “Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”, tr. 1, 1

9. Xem Tổng cục Du lịch: *Niên giám Thống kê tóm tắt 2017*, Nxb Thống kê, H, 2018, tr. 290

10, 11. Xem Tổng cục Du lịch: “Xem khách du lịch nội địa giai đoạn 2000-2017”, tài liệu lưu tại Văn phòng Tổng cục Du lịch, 2013

12. Xem Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Nxb Hà Nội, 2013, tr. 141

14. Xem Hội đồng Du lịch và Lữ hành thế giới: “Tác động kinh tế của Du lịch và Lữ hành ở Việt Nam-năm 2016”, tài liệu lưu tại Văn phòng Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch, 2016, tr. 11

15. Xem Chính phủ: “Tình hình kinh tế-xã hội năm 2015”, tài liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ, 2015, tr. 13.